TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/*2020/HNGĐST*
Ngày: 21/02/2020
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Minh Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Phước

2. Bà Trần Thị Phiến

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Lê Thị Thùy Trâm-Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Bạch Nhạn.

Ngày 21 tháng 02 năm 2020, tại Trụ sở tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 247/2019/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2019 về "Tranh chấp xin ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXX-ST ngày 09 tháng 01 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1/. *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị Tr, sinh năm 1988;

Hộ khẩu trường trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Tạm trú: Khu phố Hòa Lan 2, phường T, thành phố Th, tỉnh Bình Dương.

2/. *Bị đơn*: Anh Võ Văn S, sinh năm 1978;

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Tr có mặt tại phiên tòa, anh S vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai tại Tòa án chị Lê Thị Tr trình bày:

Vào năm 2006, thông qua mai mối chị và anh S đã tiến đến hôn nhân, có tổ chức cưới và sau đó đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Khánh , huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 13/5/2009. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc, có hai con chung tên Võ Văn T, sinh ngày 26/11/2007 và Võ Khánh A, sinh ngày 03/02/2014. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, do anh S không quan tâm vợ con, hai bên bất đồng quan điểm dẫn đến gây gỗ, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Mặc dù chị đã khuyên răn nhiều lần nhưng anh S không thay đổi. Đến tháng 9 năm 2017 thì chị Tr bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và anh chị ly thân từ đó đến nay. Nay chị Tr xác định là không còn tình cảm với anh S do đó chị Tr yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S.

- Về con chung: chị Tr và anh S có hai con chung tên Võ Văn T, sinh ngày 26/11/2007 và Võ Khánh A, sinh ngày 03/02/2014. Hiện cháu T đang sống chung với anh S còn cháu A đang sống với chị Trúc. Khi ly hôn chị Trúc yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Chị Tr đồng ý giao cháu T cho anh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Võ Văn S vắng mặt tại phiên Tòa, anh S đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật, nhưng anh S vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị Tr.

Tại phiên tòa, chị Tr vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh S và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Anh S vắng mặt mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh S theo đúng quy định của pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng là nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh S vắng mặt, chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng.

Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Tr với anh Võ Văn S. Về con chung: Anh chị có có hai con chung tên Võ Văn T, sinh ngày 26/11/2007 và Võ Khánh A, sinh ngày 03/02/2014. Từ khi chị Tr và anh S sống ly thân cho đến nay thì cháu Trường sống với anh S, cháu An sống với chị Tr, các cháu đã có cuộc sống ổn định, anh chị vẫn nuôi dưỡng các cháu tốt. Cháu Trường có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với cha vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Trường cho anh S tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, chị Tr không cấp dưỡng nuôi con do anh S không yêu cầu và giao cháu An cho chị Tr tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, chị Tr không yêu cầucấp dưỡng nuôi con . Về tài sản chung của anh chị: do không có tranh chấp, không có yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: chị Trúc là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng dân sự: Chị Lê Thị Tr có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành giải quyết việc hôn nhân của chị và anh S. Theo quy định tại khoản 1, 4 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Anh Võ Văn S đã được tòa án giao quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật, nhưng anh vắng mặt không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 bộ Luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh S.

2. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lê Thị Tr với anh Võ Văn S chung sống như vợ chồng từ năm 2006 trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Khánh, huyện Châu Thành theo Giấy chứng nhận kết hôn số 79/2009 ngày 13/5/2009, xác định hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh S không quan tâm vợ con, vợ chồng bất đồng quan điểm, mâu thuẫn kéo dài đến khoảng tháng 9 năm 2017 thì trở nên trầm trọng nên chị Tr bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và anh chị ly thân từ đó đến nay.

Tại phiên tòa hôm nay chị Tr xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ và cương quyết ly hôn với anh S. Điều đó cho thấy trình trạng hôn nhân giữa chị Tr với anh S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hơn nữa chị Tr với anh S sống ly thân nhau đến nay đã hơn 02 năm nhưng vợ chồng cũng không có biện pháp gì để hàn gắn đoàn tụ, nên chị Tr xin ly hôn với anh S là có căn cứ. Căn cứ Điều 51 và Điều 56 luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị ly hôn với anh S.

Riêng anh S từ khi Toà án thụ lý vụ án cho đến nay anh đã được tống đạt các thông báo và quyết định hợp lệ theo quy định của pháp luật, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh S đến Tòa để tổ chức hòa giải, tạo điều kiện để vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh đều vắng mặt tại các phiên hòa giải không có lý do vì vậy không thể tiến hành hòa giải được và anh cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị Tr, điều đó cho thấy anh S không có thiện chí để hòa giải đoàn tụ vợ chồng. Thực tế anh chị đã ly thân hơn 03 năm mà anh cũng không có giải pháp nào để hàn gắn quan hệ vợ chồng. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Tr đối với anh S.

3. Về con chung:

Chị Tr đồng ý giao con chung là cháu Võ Văn T, sinh ngày 26/11/2007 cho anh S tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, bản thân cháu T cũng có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với cha vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với cháu Võ Khánh A, sinh ngày 03/02/2014, xét thấy vì từ khi chị Tr và anh S sống ly thân cho đến nay thì cháu A sống với chị Tr đã có cuộc sống ổn định, chị Tr vẫn nuôi dưỡng cháu tốt. Hiện tại cháu An chỉ mới 06 tuổi vẫn còn nhỏ tuổi rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Căn cứ vào điều 81 và điều 82 luật Hôn nhân và Gia đình Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu A cho chị Tr tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Tr và anh S được quyền đến thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

4. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Võ Văn S và chị Lê Thị Tr không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và chị Tr cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

5. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự trình bày không có và không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Nếu sau này có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

6. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị Tr là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo chị Lê Thị Tr và anh Võ Văn S được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điểm a, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Xử **:**

1/. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận cho chị Lê Thị Tr ly hôn với anh Võ Văn S.

2/. *Về con chung:* Giao con chung là Võ Văn T, sinh ngày 26/11/2007 cho anh S tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Võ Khánh A, sinh ngày 03/02/2014 cho chị Tr tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Tr và anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

3/. *Về tài sản chung và nợ chung :* Đương sự trình bày không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

4/. *Về án phí*: Chị Lê Thị Tr phải nộp 300.000đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002026 ngày 10/06/2019 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Chị Tr đã nộp xong.

5/. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Chi cục Thi hành án Dân sự Huyện;
- UBND xã An Khánh, huyện Châu Thành (đăng ký kết hôn số 79, ngày 13-5-2009)
- Lưu hồ sơ vụ án và VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Minh Phong